

Bản án số: 90/2024/HSST

Ngày: 11/4/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Huy
2. Ông Phạm Lành

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Huyền, Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên tham gia phiên
tòa: Ông Đinh Văn Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành
phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ
án hình sự thụ lý số 65/2024/HSST ngày 15/3/2024 theo Quyết định đưa vụ án
ra xét xử số 76/2024/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Xuân P, tên gọi khác: không; sinh ngày 01 tháng 3 năm
1975; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm T, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề
nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo:
Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Xuân B (đã chết) và con bà Dương
Thị N; Vợ: Nguyễn Thị T; có 02 con; Tiền án - Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm
giữ, tạm giam từ ngày 17/01/2024 đến nay, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại
tạm giam Công an tỉnh T. (Có mặt tại phiên tòa).

* Người chứng kiến: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1960, trú tại: Tổ G,
phường C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung
vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 07 giờ 45 phút ngày 17/01/2024, tổ công
tác của Công an phường C, thành phố T làm nhiệm vụ tại khu vực tổ D, phường
C, thành phố T thì phát hiện một người đàn ông đang đi bộ có biểu hiện nghi
vấn liên quan đến ma túy. Tổ công tác đã yêu cầu kiểm tra, người đàn ông trên
khai tên là Lê Xuân P, đồng thời Phiên tự giác lấy trong túi áo khoác bên trái
đang mặc 02 (hai) gói giấy màu trắng bên trong có chứa chất bột màu trắng giao
nộp cho tổ công tác (niêm phong ký hiệu P). Phiên khai là ma túy Heroine của P
mua để sử dụng cho bản thân. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người
phạm tội quả tang đối với Lê Xuân P và niêm phong, thu giữ vật chứng theo quy
định. Ngoài ra, không thu giữ gì khác.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T tiến hành mở niêm phong, cân xác định khối lượng: Số chất bột màu trắng trong bì niêm phong ký hiệu P có khối lượng 0,162 gam, niêm phong ký hiệu P1 gửi giám định.

Tại bản Kết luận giám định số 254/KL-KTHS ngày 25/01/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh T, kết luận: Chất bột màu trắng trong bì niêm phong ký hiệu P1 gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine có tên khoa học là: Diacetylmorphine, được quy định tại Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung 2017) và nghị định số 57/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất; Khối lượng thu giữ ban đầu là 0,162 gam.

Tại Cơ quan điều tra, Lê Xuân P khai nhận: khoảng 07 giờ 00 ngày 17/01/2024, Phiên thuê xe ôm của một người đàn ông không quen biết đi từ khu vực cầu B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên đến khu vực cầu L thuộc phường C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên với mục đích mua ma túy để sử dụng cho bản thân. Tại đây, P gặp và mua 02 gói ma túy Heroine của 01 người đàn ông không quen biết với giá 200.000 đồng. Sau đó, P cất gói ma túy vừa mua được trong túi áo khoác bên trái P đang mặc rồi đi nhờ xe của một người đàn ông lạ mặt đến khu vực chân cầu B thuộc tổ D, phường C, thành phố T thì xuống xe và đi bộ tìm nơi sử dụng nhưng chưa kịp sử dụng thì bị tổ công tác Công an phường C, T, bắt quả tang và thu giữ vật chứng như trên.

Lời khai nhận của Lê Xuân P phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người chứng kiến, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng của vụ án: 02 (hai) bì niêm phong ký hiệu P1, P2. Hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Tại bản cáo trạng số 74/CT-VKSTPTN ngày 15/3/2024 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đã quyết định truy tố Lê Xuân P về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như lời khai tại cơ quan điều tra và bản cáo trạng mô tả. Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật.

Kết thúc phần thẩm vấn, tại phần tranh luận, vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên giữ quyền công tố đã trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Xuân P phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, Điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Xuân P: Từ 15 đến 18 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo; Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu, tiêu hủy 02 bì niêm phong ký hiệu P1, P2.

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận bị cáo không có ý kiến tranh luận, thừa nhận việc truy tố xét xử là không oan, đúng người, đúng tội. Lời nói sau cùng của bị cáo hứa sửa chữa và xin được hưởng mức án nhẹ nhất, để sớm trở về là người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên và kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo **Lê Xuân P** và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo **Lê Xuân P** thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là khách quan phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người chứng kiến với vật chứng đã thu được, biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định và các chứng cứ tài liệu khác được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, **Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ xác định:** Hồi 07 giờ 45 phút ngày 17/01/2024, tại **tổ D, phường C, thành phố T**, **Lê Xuân P** có hành vi tàng trữ 0,162 gam chất ma túy, loại Heroine mục đích để sử dụng cho bản thân nhưng chưa kịp sử dụng thì bị tổ công tác của công tác **Công an phường C**, **T** bắt quả tang và thu giữ vật chứng.

Hành vi, ý thức của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

[3]. Bản cáo trạng số **74/CT-VKSTPTN** ngày **15/3/2024** của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo **Lê Xuân P** về tội danh và điều luật viện dẫn là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Nội dung điều 249 quy định như sau:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

*c, **H...** có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam; ”*

[4] Về tính chất, mức độ hành vi: Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý độc dược của Nhà nước gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo nhận thức được tác hại của ma túy đối với sức khỏe, kinh tế xã hội **nhưng do không làm chủ được bản thân nên đã dẫn đến phạm tội.** Hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xét xử bằng pháp luật hình sự và có một mức án phù hợp, buộc

cách ly bị cáo ra khỏi xã hội để giáo dục bị cáo, đồng thời răn đe phòng chống tội phạm chung.

[5] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo không có tiền án, tiền sự trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ Luật hình sự.

[6] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ tội phạm do bị cáo thực hiện, sau khi xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân đối với bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo **Lê Xuân P** trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy, cần xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo yên tâm cải tạo tốt sớm trở về với gia đình và xã hội, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. **Mức hình phạt mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị trong phần luận tội là phù hợp.**

[7]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng, lời khai của bị cáo tại phiên tòa xác định bị cáo không có tài sản, thu nhập, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về việc xử lý hành vi và các đối tượng có liên quan: Về nguồn gốc số ma túy thu giữ, **Lê Xuân P** khai mua của một người đàn ông không rõ tên tuổi, địa chỉ tại khu vực **cầu L thuộc phường C, thành phố T**. Quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch của đối tượng này nên Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố T** không có cơ sở làm rõ để xử lý.

[9] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: **Tịch thu, tiêu hủy: 01 bì niêm phong kí hiệu P1 bên trong chứa 0,146 gam ma túy và vỏ bao mẫu hoàn lại sau giám định; 01 bì niêm phong kí hiệu P2 bên trong chứa vỏ bao mẫu ban đầu.**

[10]. Án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước và **có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.**

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điểm c Khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106, Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự.

1/ Xử phạt: Bị cáo **Lê Xuân P 15** (**Mười lăm**) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo **17/01/2024**; Quyết định tạm giam bị cáo 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2/ Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

3/ Về vật chứng: **Tịch thu, tiêu hủy: 01 bì niêm phong kí hiệu P1 bên trong chứa 0,146 gam ma túy và vỏ bao mẫu hoàn lại sau giám định, mặt sau bì có 02**

dấu tròn của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T và chữ kí của Trương Đăng T1 và Ma Nhật A; 01 bì niêm phong kí hiệu P2 bên trong chứa vỏ bao mẫu ban đầu, mặt sau bì có 03 dấu tròn của Cơ quan CSĐT Công an T và chữ kí của Ngô Kim T2, Nguyễn Thị L, Diệp Thị H1, Nguyễn Văn Đ, Lê Xuân P, Dương Ngọc K.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 125 ngày 29/3/2024 giữa Công an thành phố T với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên).

4/Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326 của UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lê Xuân P phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

5/ Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thái Nguyên;
- Công an TP. Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS TP. Thái Nguyên;
- THA phạt tù;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã Bảo Lý, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Minh Hải

2/ Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

3/ Về vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy: 01 bì niêm phong kí hiệu P1 bên trong chứa 0,146 gam ma túy và vỏ bao mẫu hoàn lại sau giám định, mặt sau bì có 02 dấu tròn của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T và chữ kí của Trương Đăng T1 và Ma Nhật A; 01 bì niêm phong kí hiệu P2 bên trong chứa vỏ bao mẫu ban đầu, mặt sau bì có 03 dấu tròn của Cơ quan CSĐT Công an T và chữ kí của Ngô Kim T2, Nguyễn Thị L, Diệp Thị H1, Nguyễn Văn Đ, Lê Xuân P, Dương Ngọc K.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 125 ngày 29/3/2024 giữa Công an thành phố T với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên).

4/Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326 của UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lê Xuân P phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

5/ Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Minh H2